

# CHẤT LƯỢNG NƯỚC - NƯỚC THẢI SINH HOẠT

## GIỚI HẠN Ô NHIỄM CHO PHÉP

WATER QUALITY – DOMESTIC WASTEWATER STANDARDS

### 1. Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sinh hoạt các loại cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư khi xả vào các vùng nước quy định ở những nơi chưa có HTTN và XLNT tập trung.

### 2. Giới hạn ô nhiễm cho phép:

*Bảng 1. Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép*

| TT | Thông số  | Giá trị giới hạn |        |         |        |       |
|----|---|------------------|--------|---------|--------|-------|
|    |   | Mức I            | Mức II | Mức III | Mức IV | Mức V |
| 1  | pH  | 5 – 9            | 5 – 9  | 5 – 9   | 5 – 9  | 5 – 9 |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (mg/l)                           | 30               | 30     | 40      | 50     | 200   |
| 3  | Chất rắn lơ lửng (mg/l)                           | 50               | 50     | 60      | 100    | 100   |
| 4  | Chất rắn có thể lắng (mg/l)                       | 0,5              | 0,5    | 0,5     | 0,5    | KQĐ   |
| 5  | Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)                      | 500              | 500    | 500     | 500    | KQĐ   |
| 6  | Sunfua (theo H <sub>2</sub> S), (mg/l)            | 1,0              | 1,0    | 3,0     | 4,0    | KQĐ   |
| 7  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ), (mg/l)    | 30               | 30     | 40      | 50     | KQĐ   |
| 8  | Dầu mỡ (thực phẩm), (mg/l)                        | 20               | 20     | 20      | 20     | 100   |
| 9  | Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ), (mg/l) | 6                | 6      | 10      | 10     | KQĐ   |
| 10 | Coliform, MPN/100ml                               | 1000             | 1000   | 5000    | 5000   | 10000 |

**Ghi chú:** KQĐ- không quy định giá trị:

Các mức I, II, III, IV và V: theo loại hình và quy mô công trình dịch vụ như bảng 2.

**Bảng 2: Các mức áp dụng đối với các cơ sở dịch vụ, công cộng và khu chung cư**

| Loại hình   | Quy mô  | Mức áp dụng theo bảng 1                       | Ghi chú                        |
|---|---|---|--------------------------------|
| 1. Khách sạn  | Dưới 60 phòng<br>Từ 60 đến 200 phòng<br>Trên 200 phòng  | Mức III<br>Mức II<br>Mức I                    |                                |
| 2. Nhà trọ, nhà khách                                     | Từ 10 đến 50 phòng<br>Từ 50 đến 250 phòng<br>Trên 250 phòng   | Mức IV<br>Mức III<br>Mức II                   |                                |
| 3. Bệnh viện nhỏ, trạm xá                                 | Từ 10 đến 30 giường<br>Trên 30 giường   | Mức II<br>Mức I                               | Phải khử trùng nước thải       |
| 4. Bệnh viện đa khoa                                      |   | Mức I   |                                |
| 5. Trụ sở các cơ quan hành chính, văn phòng đại diện      | Từ 5000 đến 10000 m <sup>2</sup><br>Từ 10000 đến 50000 m <sup>2</sup><br>Trên 50000 m <sup>2</sup>  | Mức III<br>Mức II<br>Mức I                    | Diện tích tính là khu làm việc |
| 6. Trường học, viện nghiên cứu và các cơ sở tương tự      | Từ 5000 đến 25000 m <sup>2</sup><br>Trên 25000 m <sup>2</sup>   | Mức II<br>Mức I                               |                                |
| 7. Cửa hàng bách hoá, siêu thị                            | Từ 5000 đến 25000 m <sup>2</sup><br>Trên 25000 m <sup>2</sup>   | Mức II<br>Mức I                               |                                |
| 8. Chợ thực phẩm tươi sống                                | Từ 500 đến 1000 m <sup>2</sup><br>Từ 1000 đến 1500 m <sup>2</sup><br>Từ 1500 đến 25000 m <sup>2</sup><br>Trên 25000 m <sup>2</sup>                      | Mức IV<br>Mức III<br>Mức II<br>Mức I          |                                |
| 9. Nhà hàng ăn uống, nhà ăn công cộng, cửa hàng thực phẩm | Dưới 100 m <sup>2</sup><br>Từ 100 đến 250 m <sup>2</sup><br>Từ 250 đến 500 m <sup>2</sup><br>Từ 500 đến 2500 m <sup>2</sup><br>Trên 2500 m <sup>2</sup> | Mức V<br>Mức IV<br>Mức III<br>Mức II<br>Mức I |                                |
| 10. Khu chung cư  | Dưới 100 căn hộ<br>Từ 100 đến 500 căn hộ<br>Trên 500 căn hộ   | Mức III<br>Mức II<br>Mức I                    |                                |

**Ghi chú :** Đối với các thông số không có trong bảng 1 thì nồng độ giới hạn cho phép của nó được xác định theo TCVN 5945 – 1995.